

Số: 2498 /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư cấp xã
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư số 145/2025/QH15 ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 28/01/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 10797/TTr-STC ngày 03/8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (Có Phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (B/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT, TH, CNN&XD.

Tâmtđ.QĐ.140.2026.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
K.T. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Hậu

PHỤ LỤC**Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư cấp xã trên địa bàn tỉnh thái nguyên**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2498 /QĐ-UBND
ngày 07 tháng 8 năm 2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên xã, phường	Ghi chú
I	Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	
1	Xã Quang Sơn	
2	Xã Văn Hán	
3	Xã Văn Lăng	
4	Xã Hợp Thành	
5	Xã Sảng Mộc	
6	Xã Dân Tiến	
7	Xã Nghinh Tường	
8	Xã Thần Sa	
9	Xã La Hiên	
10	Xã Tràng Xá	
11	Xã Bằng Thành	
12	Xã Nghiên Loan	
13	Xã Cao Minh	
14	Xã Ba Bể	
15	Xã Chợ Rã	
16	Xã Phúc Lộc	
17	Xã Thượng Minh	
18	Xã Đồng Phúc	
19	Xã Thượng Quan	
20	Xã Bằng Vân	
21	Xã Ngân Sơn	
22	Xã Nà Phặc	
23	Xã Hiệp Lực	
24	Xã Nam Cường	
25	Xã Quảng Bạch	

STT	Tên xã, phường	Ghi chú
26	Xã Yên Thịnh	
27	Xã Chợ Đồn	
28	Xã Yên Phong	
29	Xã Nghĩa Tá	
30	Xã Phú Thông	
31	Xã Cẩm Giàng	
32	Xã Vĩnh Thông	
33	Xã Bạch Thông	
34	Xã Phong Quang	
35	Xã Văn Lang	
36	Xã Cường Lợi	
37	Xã Na Rì	
38	Xã Trần Phú	
39	Xã Côn Minh	
40	Xã Xuân Dương	
41	Xã Tân Kỳ	
42	Xã Thanh Mai	
43	Xã Thanh Thịnh	
44	Xã Chợ Mới	
45	Xã Yên Bình	
II	Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn	
46	Xã Đại Phúc	
47	Phường Phúc Thuận	
48	Xã Thành Công	
49	Xã Đại Từ	
50	Xã Đức Lương	
51	Xã Phú Thịnh	
52	Xã La Bằng	
53	Xã Phú Lạc	
54	Xã An Khánh	

STT	Tên xã, phường	Ghi chú
55	Xã Quân Chu	
56	Xã Vạn Phú	
57	Xã Phú Xuyên	
58	Xã Tân Thành	
59	Xã Tân Khánh	
60	Xã Đồng Hỷ	
61	Xã Trại Cau	
62	Xã Nam Hòa	
63	Xã Phú Lương	
64	Xã Vô Tranh	
65	Xã Yên Trạch	
66	Xã Định Hóa	
67	Xã Bình Yên	
68	Xã Trung Hội	
69	Xã Phượng Tiến	
70	Xã Phú Đình	
71	Xã Bình Thành	
72	Xã Kim Phượng	
73	Xã Lam Vỹ	
74	Xã Võ Nhai	
75	Phường Đức Xuân	
76	Phường Bắc Kạn	
77	Phường Phan Đình Phùng	
78	Phường Tích Lương	
79	Phường Linh Sơn	
80	Phường Quyết Thắng	
81	Phường Quan Triều	
82	Xã Tân Cương	
83	Phường Phổ Yên	
84	Phường Trung Thành	

STT	Tên xã, phường	Ghi chú
85	Phường Vạn Xuân	
86	Xã Phú Bình	
87	Xã Kha Sơn	
88	Xã Diêm Thụy	